

Số:44/2024/DTD/CBTT

Hà Nam, ngày 26 tháng 04 năm 2024

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) quý I/năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt

- Mã chứng khoán: DTD
- Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
- Điện thoại liên hệ: 02263.883.136
- Email: thanhdathn2010@gmail.com Website: <http://thanhdathanam.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố

- BCTC Quý I/năm 2024:

- BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 26/04/2024 tại đường dẫn: <http://thanhdathanam.vn/quan-he-co-dong/thong-tin-tai-chinh/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên: Không có.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
Người đại diện theo pháp luật


TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Việt Đức



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 01a-DN/HN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		971,645,808,776	857,558,880,104
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	185,104,831,851	62,319,588,462
1. Tiền	111		35,104,831,851	57,319,588,462
2. Các khoản tương đương tiền	112		150,000,000,000	5,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		549,424,445,356	569,037,705,630
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.9	549,424,445,356	569,037,705,630
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		148,278,974,300	113,851,438,170
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	197,848,371,171	155,390,155,608
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	8,161,530,360	11,376,541,523
3. Các khoản phải thu khác	136	5.4	154,349,529	237,965,480
4. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.8	(57,885,276,760)	(53,153,224,441)
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	77,133,745,028	94,042,644,973
1. Hàng tồn kho	141		77,133,745,028	94,042,644,973
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11,703,812,241	18,307,502,869
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	560,969,990	386,624,706
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11,135,176,476	17,326,913,980
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	7,665,775	593,964,183
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,293,811,024,237	1,327,527,760,198
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		585,643,421,788	585,537,730,689
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	585,643,421,788	585,537,730,689
II. Tài sản cố định	220		204,073,163,748	208,619,101,133
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	204,073,163,748	208,619,101,133
- Nguyên giá	222		331,308,921,674	331,298,687,007
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(127,235,757,926)	(122,679,585,874)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	1,800,323,987	2,351,772,961
- Nguyên giá	231		1,156,773,950,474	1,120,767,470,734
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(1,154,973,626,487)	(1,118,415,697,773)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.7	474,093,935,828	500,031,711,235
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		474,093,935,828	500,031,711,235
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	14,681,253,095	14,681,253,095
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		14,681,253,095	14,681,253,095
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13,518,925,791	16,306,191,085
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	2,104,282,334	4,512,753,775
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		917,787,515	744,115,266
3. Lợi thế thương mại	269	5.13	10,496,855,942	11,049,322,044
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,265,456,833,013	2,185,086,640,302

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 01a-DN/HN

(Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		956.612.032.670	952.144.486.587
I. Nợ ngắn hạn	310		308.854.070.897	309.890.749.278
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	31.404.159.598	30.834.114.496
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	80.271.482.902	80.106.715.266
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	21.691.318.957	50.595.595.340
4. Phải trả người lao động	314		255.397.976	252.166.447
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	715.070.124	146.500.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		8.790.806.851	732.500.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	148.554.532.051	132.557.765.135
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	10.950.319.857	7.894.000.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.220.982.581	6.771.392.594
II. Nợ dài hạn	330		647.757.961.773	642.253.737.309
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.17	276.536.470.243	278.077.204.451
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	46.857.917.793	46.857.917.793
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11	56.155.214.150	56.155.214.150
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		4.863.749.381	4.863.749.381
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.19	263.344.610.206	256.299.651.534
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.308.844.800.343	1.232.942.153.715
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.20.	1.308.844.800.343	1.232.942.153.715
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		493.444.160.000	493.444.160.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		493.444.160.000	493.444.160.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		114.638.546.830	114.638.546.830
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		401.708.570.730	350.357.191.545
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		350.357.191.545	133.168.038.202
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		51.351.379.185	217.189.153.343
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		299.053.522.783	274.502.255.340
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.265.456.833.013	2.185.086.640.302

NGƯỜI LẬP

Đinh Thị Phương Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Dương Thị Thu Hiền

Hà Nam, ngày 25 tháng 04 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Việt Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2024

Mẫu số B 02a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Quý I	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	201.647.703.460	458.146.581.907	201.647.703.460	458.146.581.907
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		201.647.703.460	458.146.581.907	201.647.703.460	458.146.581.907
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	104.787.731.024	203.441.428.878	104.787.731.024	203.441.428.878
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		96.859.972.436	254.705.153.029	96.859.972.436	254.705.153.029
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	7.534.916.516	741.227.637	7.534.916.516	741.227.637
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.227.896.311	1.046.791.930	1.227.896.311	1.046.791.930
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.227.896.311	1.046.791.930	1.227.896.311	1.046.791.930
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	168.658.523	-	168.658.523
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	8.296.957.682	6.569.016.879	8.296.957.682	6.569.016.879
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		94.870.034.959	247.661.913.334	94.870.034.959	247.661.913.334
12. Thu nhập khác	31		-	200.000.000	-	200.000.000
13. Chi phí khác	32	6.6	45.107.267	24.264.007	45.107.267	24.264.007
14. Lợi nhuận khác	40		(45.107.267)	175.735.993	(45.107.267)	175.735.993
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		94.824.927.692	247.837.649.327	94.824.927.692	247.837.649.327
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	19.095.953.313	49.726.218.190	19.095.953.313	49.726.218.190
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(173.672.249)		(173.672.249)	
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		75.902.646.628	198.111.431.137	75.902.646.628	198.111.431.137
19. Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ	61		51.351.379.185	129.999.359.378	51.351.379.185	129.999.359.378
20. Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát	62		24.551.267.443	68.112.071.759	24.551.267.443	68.112.071.759
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.041	3.053	1.041	3.053
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		1.041	3.053	1.041	3.053

NGƯỜI LẬP



Đinh Thị Phương Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Dương Thị Thu Hiền



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 03a-DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Quý I.2024

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		94.824.927.692	247.837.649.327
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		41.666.566.868	129.037.389.293
- Các khoản dự phòng	03		11.777.010.991	23.890.663.485
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.534.916.516)	(941.227.637)
- Chi phí lãi vay	06		1.227.896.311	1.046.791.930
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		141.961.485.346	400.871.266.398
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(32.487.243.636)	(19.280.351.732)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		16.908.899.945	37.168.387.426
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		22.083.507.726	(188.973.023.561)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.234.126.157	1.623.130.248
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.227.896.311)	(1.046.791.930)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(46.262.783.472)	(30.603.115.560)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(550.410.013)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		102.659.685.742	199.759.501.289
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.078.939.000)	(8.404.722.103)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	200.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(171.200.000.000)	(236.027.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		190.813.260.274	31.028.383.562
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.534.916.516	741.227.637
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		17.069.237.790	(212.462.110.904)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN I

Mẫu số B 03a-DN/HN

(Tiếp theo)

Theo phương pháp gián tiếp

Quý I.2024

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.660.319.857	648.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(604.000.000)	(1.753.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cơ tức, lợi nhuận đa tra cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.056.319.857	(1.105.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		122.785.243.389	(13.807.609.615)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		62.319.588.462	178.366.571.199
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		185.104.831.851	164.558.961.584

Hà Nam, ngày 25 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đinh Thị Phương Thảo

Dương Thị Thu Hiền

Trần Việt Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B09a-DN/HN Quý I năm 2023

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700194008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 07/05/2001 và được chuyển đổi từ công ty TNHH thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 27 ngày 17 tháng 11 năm 2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700194008 thay đổi lần thứ 27 cấp ngày 17 tháng 11 năm 2023 là 493.444.160.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi ba tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm sau mươi nghìn đồng chẵn./.)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, cung cấp nước sạch và bán bê tông thương phẩm.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Xây dựng nhà các loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Chuẩn bị mặt bằng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình điện có điện áp từ 35 KV trở xuống, xây lắp và chuyển giao trạm cấp nước sinh hoạt, thi công sàn nhà công nghiệp, thi công phòng chống và xử lý mối, một các công trình xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất các cấu kiện kim loại. Chi tiết: Sản xuất và dựng lắp khung nhà vì kèo sắt thép các loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán đồ điện gia dụng, hàng điện tử; Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, mua bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và các thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Sản xuất lắp đặt các thiết bị xử lý nước mặt và nước ngầm;
- Vận tải hành khách du lịch, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B09a-DN/HN Quý I năm 2023

Công ty có trụ sở chính tại đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Công ty có các công ty con như sau:

- + Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700769736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 15 tháng 02 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 25 tháng 02 năm 2020.
 - Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700769376 thay đổi lần thứ 5 ngày 25/02/2020 là 303.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm linh ba tỷ đồng chẵn./.*)
 - Trụ sở tại đường N1, nhà điều hành KCN hỗ trợ Đồng Văn III, phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam;
 - Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại ngày 31/03/2024:

<u>Tên</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam	65%	65%

Công ty có công ty liên kết như sau:

- + Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam:
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700792992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 22 tháng 07 năm 2017.
 - Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0700792992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 22 tháng 07 năm 2017 là 100.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn./.*)
 - Trụ sở tại Khu công nghiệp Đồng Văn III, phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam;
 - Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại ngày 31/03/2024:

<u>Tên</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam	39%	39%

Công ty có chi nhánh như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt - Chi nhánh Duy Tiên	Thôn Dũ Phố, xã Mọc Bắc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B09a-DN/HN Quý I năm 2023

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt (công ty mẹ); Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam (công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Quyền kiểm soát tồn tại trên cơ sở quyền lực trực tiếp hay gián tiếp, quy định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp để thu được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh. Báo cáo tài chính của các công ty con sẽ tổng hợp từ ngày sự kiểm soát bắt đầu hiệu lực cho đến ngày kết thúc hiệu lực kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt; Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III Tỉnh Hà Nam có loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và một số điều chỉnh khác theo quy định.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau ngày đầu tư. Phần sở hữu của Công ty trong kết quả kinh doanh của bên được đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản được chia từ bên được đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải thực hiện khi lợi ích của Công ty thay đổi phát sinh từ các khoản thu nhập được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư, như việc đánh giá lại TSCĐ, chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B09a-DN/HN
Quý I năm 2023

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện và Chế độ Kế toán hiện hành đang áp dụng.

Cơ sở hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31/03/2024 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B09a-DN/HN Quý I năm 2023

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B09a-DN/HN Quý I năm 2023

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 50 năm
Máy móc thiết bị	03 - 08 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	05 năm
Tài sản khác	02 - 05 năm

4.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí cấp quyền khai thác mỏ và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán, bao gồm: chi phí kiểm toán, chi phí thi công. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.10. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.11. Doanh thu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B09a-DN/HN
Quý I năm 2023

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (v) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

4.13. Nguyên tắc kế toán Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác

4.14. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

- Thuế suất thuế GTGT đối với hợp đồng xây dựng, bê tông thương phẩm và cho thuê cơ sở hạ tầng và quản lý: 10%.
- Thuế suất thuế GTGT đối với dịch vụ cung cấp nước sạch: 5%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

4.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B09a-DN/HN
Quý I năm 2023

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.16. Bù trừ các công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu số B 09a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2024	01/01/2024
Tiền mặt	8.847.466.504	7.149.754.566
Tiền gửi ngân hàng	26.257.365.347	50.169.833.896
Các khoản tương đương tiền (*)	150.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	185.104.831.851	62.319.588.462

5.2 Phải thu khách hàng

	31/03/2024	01/01/2024
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	197.848.371.171	155.390.155.608
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm tỷ trọng lớn trên tổng khoản phải thu)	147.726.300.760	104.201.446.724
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình PLC	74.865.186.660	31.340.332.624
- Ban QLDA XD TP Phủ Lý- SN, HTKT Cụm Kien Khê I	35.153.261.000	35.153.261.000
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Đồng Văn Hà Nam	37.707.853.100	37.707.853.100
Phải thu khách hàng khác	50.122.070.411	51.188.708.884
Cộng	197.848.371.171	155.390.155.608
b) Phải thu khách hàng dài hạn		
c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Đồng Văn Hà Nam	37.707.853.100	37.707.853.100
Cộng	37.707.853.100	37.707.853.100

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/03/2024	01/01/2024
- Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng An Phú Cường	-	1.318.992.552
- Công ty CP xây dựng thương mại và dịch vụ Phát An	1.271.000.000	1.271.000.000
- Công ty TNHH sản xuất và TM Huyện Quý	1.023.679.000	1.023.679.000
- Công ty cổ phần Giải pháp Công nghệ tòa nhà An Thịnh	1.000.403.580	1.000.403.580
- Các công ty khác	4.866.447.780	6.762.466.391
Cộng	8.161.530.360	11.376.541.523

5.4 Phải thu khác

	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	154.349.529	-	237.965.480	-
- Phải thu khác	39.127.148	-	122.743.099	-
- Tạm ứng	27.918.000	-	27.918.000	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	87.304.381	-	87.304.381	-
b) Dài hạn	585.643.421.788	-	585.537.730.689	-
- Phải thu dài hạn khác	584.995.861.106	-	584.890.170.007	-
+ Tổng Công ty Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội (i)	30.774.529.600	-	30.774.529.600	-
+ Tiền GPMB- Đồng Văn III	507.585.257.052	-	507.585.257.052	-
+ Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Phủ Lý (iii)	14.083.094.355	-	14.083.094.355	-
+ Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Duy Tiên (iv)	7.289.254.000	-	7.289.254.000	-
+ Phải thu tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, đào tạo	25.263.726.099	-	25.158.035.000	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	647.560.682	-	647.560.682	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Cộng	585.797.771.317	-	585.775.696.169	-
-------------	------------------------	----------	------------------------	----------

(i) Thỏa thuận liên danh ngày 05/07/2018 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt và Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội về việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ nút giao ngã ba Hòa Mạc đến đường ĐH-05 (từ Km0+00 đến Km2+560,41).

(ii) Tiền tạm ứng cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Hà Nam để Giải phóng mặt bằng cho dự án Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam.

(iii) Là khoản ứng trước cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Phủ Lý để bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu thương mại, dịch vụ và nhà ở Thành Đạt tại xã Liêm Tuyền và xã Liêm Tiết, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam".

(iv) Là khoản ứng trước cho Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Duy Tiên để bồi thường giải phóng mặt bằng dự án "Đầu tư xây dựng Cảng Yên Lệnh Bắc tại địa bàn xã Chuyên Ngoại, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam".

5.5 Hàng tồn kho

	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	6.419.262.676	-	7.319.504.821	-
Công cụ, dụng cụ	26.767.100	-	26.767.100	-
Chi phí SXKD dở dang	68.506.089.363	-	84.539.582.614	-
Thành phẩm nhập kho	1.402.086.164	-	1.227.943.387	-
Hàng hóa	779.539.725	-	928.847.051	-
Cộng	77.133.745.028	-	94.042.644.973	-

5.6 Chi phí trả trước

	31/03/2024	01/01/2024
a) Ngắn hạn	560.969.990	386.624.706
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	560.969.990	386.624.706
b) Dài hạn	2.104.282.334	4.512.753.775
- Chi phí trả trước dài hạn khác	2.104.282.334	4.512.753.775
Cộng	2.665.252.324	4.899.378.481

5.7 Tài sản dở dang dài hạn**a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn****b) Xây dựng cơ bản dở dang**

	31/03/2024	01/01/2024
- Xây dựng cơ bản	474.093.935.828	500.031.711.235
+ Dự án Cảng Yên Lệnh	141.354.430.452	131.421.748.846
+ Dự án Trung tâm thương mại Liêm Tuyền	1.769.677.268	1.769.677.268
+ Dự án xây dựng Gara ô tô	743.825.273	743.825.273
+ Dự án khách sạn, trung tâm bến xe Thành Đạt	236.363.636	236.363.636
+ Dự án xây dựng Cơ sở hạ tầng KCN Đồng Văn III	329.989.639.199	365.860.096.212
Cộng	474.093.935.828	500.031.711.235

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

5.8 . NỢ XẤU

Mẫu số B 09a-DN/HN

Đơn vị tính : VND

	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
- Các khoản phải thu ngắn hạn				
+ Công ty Cổ phần Tasco Trường Phát	5.931.500	-	(5.931.500)	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Hà An	200.001.840	-	(200.001.840)	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Lam Phương	174.182.500	-	(174.182.500)	-
+ Trường THPT Phỷ Lý B	512.020.000	-	(512.020.000)	-
+ UBND thị trấn Kiến Khê	103.454.000	-	(103.454.000)	-
+ Viện KSNĐ tỉnh Hà Nam	41.676.000	-	(41.676.000)	-
+ Công ty Cổ phần An Phú Hưng- Khu chế biến Bình Nghĩa	125.184.000	-	(125.184.000)	-
+ Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Đức Phát	71.461.000	-	(71.461.000)	-
+ Công ty Cổ phần Phát triển Phương Tây	50.006.030	-	(50.006.030)	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Ngọc Việt	24.700.000	-	(24.700.000)	-
+ Công ty TNHH Incosys	-	-	-	(5.890.000)
+ Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	57.300.000	-	(57.300.000)	-
+ Công ty TNHH TM và Xây dựng Thiên Thành Phát Việt Nam	57.800.001	-	(57.800.001)	-
+ Công ty TNHH Xây dựng và TM Nam Phúc	20.389.998	-	(20.389.998)	-
+ Xí nghiệp thi công hạ tầng - Công ty thi công cơ giới Viglacera	61.245.000	-	(61.245.000)	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xây dựng Toàn Cầu	33.214.400	-	(33.214.400)	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492	50.600.000	-	(50.600.000)	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và Xây dựng Khánh Đạt	657.610.000	-	(657.610.000)	-
+ Công ty Cổ phần Hancorp	553.862.500	-	(553.862.500)	-
+ Công ty Cổ phần Hawee Xây dựng Công Nghiệp	5.501.625.806	-	(5.501.625.806)	-
+ Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Phát triển KCN Kim Bảng	3.859.468.427	-	(3.859.468.427)	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 4	1.149.852.500	-	(1.149.852.500)	-
+ Công ty Cổ phần Vinaconex 25	1.085.543.625	-	(1.085.543.625)	-
+ Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam	896.072.364	-	(896.072.364)	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Quang Minh	660.164.670	-	(660.164.670)	-
+ Công ty TNHH Tư vấn KSTK XD Hà Nam	371.550.000	-	(371.550.000)	-
+ Công ty TNHH Giải pháp XD CSC	202.180.000	-	(202.180.000)	-
+ Công ty TNHH Xây dựng và DVTM Khánh Hưng	127.500.000	-	(127.500.000)	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư XD và Phát triển Bắc Nam Việt	8.869.500	-	(8.869.500)	-
+ Trường THCS Nhân Thịnh	235.878.599	-	(235.878.599)	-
+ HEGPMB&TDC Duy Tiên -Đường điện thôn Hòa Trung A	161.289.000	-	(161.289.000)	-
+ UBND thị trấn Kiến Khê - Trụ sở làm việc	172.688.000	-	(172.688.000)	-
+ Ban QLPT KĐT mới - Chuẩn bị mặt bằng y tế vùng	106.271.000	-	(106.271.000)	-
	309.201.000	-	(309.201.000)	-
				161.289.000
				172.688.000
				106.271.000
				309.201.000

+ Ban QL phát triển KĐT mới - TT Y tế chất lượng cao Tỉnh Hà Nam	1.287.184.300	-	(1.287.184.300)	1.287.184.300	1.287.184.300	-
+ Hội đồng BT HT&TĐC Duy Tiên - XDHTKT Lô E	1.331.789.000	-	(1.331.789.000)	1.331.789.000	1.331.789.000	-
+ Ban GPMB huyện Thanh Liêm - San nền 7% cụm công nghiệp Kiên Khê	1.151.566.000	-	(1.151.566.000)	1.151.566.000	1.151.566.000	-
+ Ban QLDA đầu tư xây dựng Hà Nam - Đường N1-D2	238.344.017	-	(238.344.017)	238.344.017	238.344.017	-
+ Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam	37.038.055.400	810.455.217	(36.227.600.183)	37.038.055.400	810.455.217	(36.227.600.183)
Cộng	58.695.731.977	810.455.217	(57.885.276.760)	58.722.011.975	5.568.787.534	(53.153.224.441)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

5.9 Các khoản đầu tư tài chính

Mẫu số B 09a-DN/HN

Đơn vị tính : VND

01/01/2024

31/03/2024

(VND)

(VND)

	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
a) Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	549.424.445.356	549.424.445.356	569.037.705.630	569.037.705.630
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 6-12 tháng	549.424.445.356	549.424.445.356	569.037.705.630	569.037.705.630
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
		Tỷ lệ sở hữu		Tỷ lệ sở hữu
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	39.000.000.000	14.681.253.095	39.000.000.000	14.681.253.095
- Đầu tư vào Công ty liên kết	39.000.000.000	14.681.253.095	39.000.000.000	14.681.253.095
+ Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đông Văn Hà Nam	39.000.000.000	14.681.253.095	39.000.000.000	14.681.253.095
Cộng	588.424.445.356	564.105.698.451	608.037.705.630	583.718.958.725

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Mẫu số B 09a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	184.330.672.783	101.647.093.536	39.638.961.111	1.232.776.363	4.449.183.214	331.298.687.007
Tăng trong kỳ	-	-	10.234.667	-	-	10.234.667
Tăng khác	-	-	10.234.667	-	-	10.234.667
Số dư cuối kỳ	184.330.672.783	101.647.093.536	39.649.195.778	1.232.776.363	4.449.183.214	331.308.921.674
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	33.407.411.923	61.542.110.657	22.582.572.360	1.014.246.915	4.133.244.019	122.679.585.874
Tăng trong kỳ	2.515.922.108	1.322.766.648	664.018.503	16.340.943	37.123.850	4.556.172.052
- Số khấu hao trong kỳ	2.515.922.108	1.322.766.648	664.018.503	16.340.943	37.123.850	4.556.172.052
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	35.923.334.031	62.864.877.305	23.246.590.863	1.030.587.858	4.170.367.869	127.235.757.926
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	150.923.260.860	40.104.982.879	17.056.388.751	218.529.448	315.939.195	208.619.101.133
2. Tại ngày cuối kỳ	148.407.338.752	38.782.216.231	16.402.604.915	202.188.505	278.815.345	204.073.163.748

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

5.11 Vay và nợ thuê tài chính

Mẫu số B 09a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

01/01/2024

31/03/2024

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	10.950.319.857	10.950.319.857	3.660.319.857	604.000.000	7.894.000.000	7.894.000.000
Vay ngân hàng VND	8.458.319.857	8.458.319.857	3.660.319.857	-	4.798.000.000	4.798.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nam	4.798.000.000	4.798.000.000	-	-	4.798.000.000	4.798.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	3.660.319.857	3.660.319.857	3.660.319.857	-	-	-
- Bà Nguyễn Thị Tuyết	-	-	300.000.000	300.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	2.492.000.000	2.492.000.000	-	604.000.000	3.096.000.000	3.096.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nam	2.492.000.000	2.492.000.000	-	604.000.000	3.096.000.000	3.096.000.000
b) Vay dài hạn	56.155.214.150	56.155.214.150	-	-	56.155.214.150	56.155.214.150
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nam	7.073.000.000	7.073.000.000	-	-	7.073.000.000	7.073.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nam	40.290.461.150	40.290.461.150	-	-	40.290.461.150	40.290.461.150
- Vốn vay do UBND tỉnh Hà Nam vay lại từ Chính phủ	8.791.753.000	8.791.753.000	-	-	8.791.753.000	8.791.753.000
Cộng	67.105.534.007	67.105.534.007	3.660.319.857	604.000.000	64.049.214.150	64.049.214.150

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu số B 09a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

5.12 Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Nguyên giá	1.120.767.470.734	36.006.479.740	-	1.156.773.950.474
Cơ sở hạ tầng	1.120.767.470.734	36.006.479.740	-	1.156.773.950.474
Giá trị hao mòn lũy kế	(1.118.415.697.773)	(36.557.928.714)	-	(1.154.973.626.487)
Cơ sở hạ tầng	(1.118.415.697.773)	(36.557.928.714)	-	(1.154.973.626.487)
Giá trị còn lại	2.351.772.961	(551.448.974)	-	1.800.323.987
Cơ sở hạ tầng	2.351.772.961	(551.448.974)	-	1.800.323.987

5.13 Lợi thế thương mại

a) Ngắn hạn

b) Dài hạn

Giá trị lợi thế thương mại đầu năm 11.049.322.044

Lợi thế thương mại tăng trong kỳ -

Giá trị lợi thế thương mại giảm do chuyển nhượng một phần vốn góp -

Giá trị lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ 552.466.102

Giá trị còn lại của lợi thế thương mại tại ngày cuối kỳ kế toán 10.496.855.942**Cộng** 10.496.855.942**5.14 Phải trả người bán**

31/03/2024

01/01/2024

	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	31.404.159.598	31.404.159.598	30.834.114.496	30.834.114.496
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	10.224.003.000	10.224.003.000	11.696.968.000	11.696.968.000
- Công ty Xây lắp Công nghiệp Hà Nam	2.736.215.000	2.736.215.000	2.736.215.000	2.736.215.000
- Trung tâm Phát triển Quy Đất huyện Duy Tiên	-	-	1.472.965.000	1.472.965.000
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	7.487.788.000	7.487.788.000	7.487.788.000	7.487.788.000
Các khoản phải trả người bán khác	21.180.156.598	21.180.156.598	19.137.146.496	19.137.146.496
Cộng	31.404.159.598	31.404.159.598	30.834.114.496	30.834.114.496

b) Các khoản phải trả người bán dài hạn

c) Phải trả người bán là các bên liên quan

5.15 Người mua trả tiền trước

31/03/2024

01/01/2024

a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn

- Cơ sở II Bệnh viện Bạch Mai - HTKT 28.618.399.800 28.618.399.800

- Cơ sở II Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức - HTKT 50.798.017.600 50.798.017.600

- Các khoản người mua trả tiền trước khác 855.065.502 690.297.866

Cộng 80.271.482.902 80.106.715.266

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu số B 09a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a) Phải nộp	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/bù trừ trong kỳ	31/03/2024
- Thuế GTGT	4.043.872.163	8.904.377.039	12.948.249.202	-
- Thuế TNDN	46.262.783.475	18.628.069.130	46.262.783.472	18.628.069.133
- Thuế TNCN	39.365.225	8.581.968	29.031.593	18.915.600
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	153.574.477	996.269.180	91.509.433	1.058.334.224
- Thuế tài nguyên	96.000.000	1.895.024.240	5.024.240	1.986.000.000
Cộng	50.595.595.340	30.432.321.557	59.336.597.940	21.691.318.957
b) Phải thu				
- Thuế TNDN	467.884.183	467.884.183	-	-
- Thuế TNCN	-	-	53.020	53.020
- Thuế GTGT	126.080.000	126.080.000	7.612.755	7.612.755
Cộng	593.964.183	593.964.183	7.665.775	7.665.775

5.17 Chi phí phải trả

a) Ngắn hạn	31/03/2024	01/01/2024
- Trích trước chi phí kiểm toán	715.070.124	146.500.000
- Chi phí phải trả về tiền thuê máy và tiền thuê thuê đất	196.500.000	146.500.000
	518.570.124	-
b) Dài hạn	276.536.470.243	278.077.204.451
- Chi phí thi công phải trả	276.536.470.243	278.077.204.451
Cộng	277.251.540.367	278.223.704.451

5.18 Các khoản phải trả khác

a) Ngắn hạn	31/03/2024	01/01/2024
- Nhận ký quỹ, ký cược	148.554.532.051	132.557.765.135
- Kinh phí công đoàn	148.489.327.859	132.293.765.135
- Kinh phí công đoàn	10.022.624	-
- Bảo hiểm xã hội	43.972.812	-
- Bảo hiểm y tế	7.759.908	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	3.448.848	-
- Phải trả phải nộp khác	-	264.000.000
Cộng	148.554.532.051	132.557.765.135
b) Dài hạn		
- Phải trả Ngân sách nhà nước tỉnh Hà Nam	24.759.141.793	24.759.141.793
- Phải trả ngân sách Nhà nước (*)	21.885.776.000	21.885.776.000
- Nhận ký quỹ, ký cược	213.000.000	213.000.000
Cộng	46.857.917.793	46.857.917.793

(*) Quyết định số 295/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Nam ngày 31/01/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình tiểu dự án: Xây dựng hệ thống cấp nước sạch xã Liêm Tuyền, Liêm Tiết, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam thuộc hợp phần cấp nước chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường dựa trên kết quả tỉnh Hà Nam.

5.19 Dự phòng phải trả

b) Dài hạn	31/03/2024	01/01/2024
- Dự phòng chi phí sửa chữa TSCĐ	263.344.610.206	256.299.651.534
	263.344.610.206	256.299.651.534
Cộng	263.344.610.206	256.299.651.534

Là khoản dự phòng trích lập sửa chữa cơ sở hạ tầng KCN trong các năm tiếp theo do Công ty ghi nhận doanh thu một lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu số B 09a-DN/HN

5.20. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	424.152.890.000	211.301.850.276	105.666.700.947	212.592.338.673	953.713.779.896
Tăng vốn năm trước	69.291.270.000	-	-	-	69.291.270.000
Lãi trong năm trước	-	106.679.350.496	-	217.189.153.343	323.868.503.839
Trích lập các quỹ	-	-	8.971.845.883	-	8.971.845.883
Phân phối lợi nhuận	-	(43.478.945.432)	-	(79.160.300.471)	(122.639.245.903)
Giảm khác	-	-	-	(264.000.000)	(264.000.000)
Số dư cuối năm trước	493.444.160.000	274.502.255.340	114.638.546.830	350.357.191.545	1.232.942.153.715
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	24.551.267.443	-	51.351.379.185	75.902.646.628
Số dư cuối kỳ	493.444.160.000	299.053.522.783	114.638.546.830	401.708.570.730	1.308.844.800.343

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu số B 09a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ sở hữu tại 31/03/2023	31/03/2024	01/01/2024
Vốn góp của các đối tượng khác			
- Ông Nguyễn Huy Cường	29,60%	146.050.970.000	146.050.970.000
- Bà Nguyễn Thanh Tâm	5,86%	28.938.300.000	28.938.300.000
- Ông Nguyễn Quang Trí	5,29%	26.090.840.000	26.090.840.000
- Các đối tượng khác	59,25%	292.364.050.000	292.364.050.000
Cộng	100%	493.444.160.000	493.444.160.000

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn góp đầu năm	493.444.160.000	424.152.890.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	4.935.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	493.444.160.000	429.087.890.000

Cổ phiếu	31/03/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	49.344.416	42.908.789
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	49.344.416	42.908.789
- Cổ phiếu phổ thông	49.344.416	42.908.789
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.344.416	42.908.789
- Cổ phiếu phổ thông	49.344.416	42.908.789
- Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế	51.351.379.185	129.999.359.378
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	-
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	49.344.416	42.579.789
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.041	3.053

Các quỹ của doanh nghiệp

	31/03/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	114.638.546.830	114.638.546.830
Quỹ khen thưởng phúc lợi	6.220.982.581	6.771.392.594
Cộng	120.859.529.411	121.409.939.424

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán bê tông	5.006.418.601	3.304.982.728
- Doanh thu xây lắp	42.324.575.444	34.843.553.333
- Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng và quản lý	126.441.449.446	396.486.631.108
- Doanh thu khác	27.875.259.969	23.511.414.738
Cộng	201.647.703.460	458.146.581.907

6.2 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn bán bê tông	4.025.534.905	3.057.513.957

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu số B 09a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

- Giá vốn xây lắp	33.242.868.964	24.502.130.580
- Giá vốn cho thuê cơ sở hạ tầng và quản lý	45.752.759.034	153.486.975.640
- Giá vốn bán hàng khác	21.766.568.121	22.394.808.701
Cộng	104.787.731.024	203.441.428.878
6.3 Doanh thu hoạt động tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, cho vay	7.534.916.516	741.227.637
Cộng	7.534.916.516	741.227.637
6.4 Chi phí tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi vay	1.227.896.311	1.046.791.930
Cộng	1.227.896.311	1.046.791.930
6.5 Thu nhập khác	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập khác	-	200.000.000
Cộng	-	200.000.000
6.6 Chi phí khác	Kỳ này	Kỳ trước
Các khoản chi phí khác	45.107.267	24.264.007
Cộng	45.107.267	24.264.007
6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Kỳ này	Kỳ trước
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp:	8.296.957.682	6.569.016.879
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	6.574.040.114	2.012.229.066
<i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i>	<i>317.309.181</i>	<i>450.105.900</i>
<i>Chi phí nhân công</i>	<i>945.932.514</i>	<i>1.009.657.064</i>
<i>Lợi thế thương mại phân bổ</i>	<i>552.466.102</i>	<i>552.466.102</i>
<i>Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi</i>	<i>4.758.332.317</i>	<i>-</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.722.917.568	4.556.787.813
Các khoản chi phí bán hàng:	-	168.658.523
- Chi phí bán hàng khác	-	168.658.523
Cộng	8.296.957.682	6.737.675.402
6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.095.953.313	49.726.218.190
	19.095.953.313	49.726.218.190

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

8.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

8.3 Báo cáo bộ phận

8.3 Báo cáo bộ phận

8.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ tài chính

8.5 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Lãnh đạo thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Lãnh đạo xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Lãnh đạo cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
31/03/2024			
Tiền và các khoản tương đương tiền	185.104.831.851		185.104.831.851
Phải thu khách hàng	197.848.371.171		197.848.371.171
Đầu tư	549.424.445.356	14.681.253.095	564.105.698.451
Phải thu khác	154.349.529	585.643.421.788	585.797.771.317
Tài sản tài chính khác	-		-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(57.885.276.760)	-	(57.885.276.760)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-		-
Tổng cộng	874.646.721.147	600.324.674.883	1.474.971.396.030
Các khoản vay và nợ	10.950.319.857	56.155.214.150	67.105.534.007
Phải trả người bán	31.404.159.598	-	31.404.159.598
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	149.269.602.175	323.394.388.036	472.663.990.211
Tổng cộng	191.624.081.630	379.549.602.186	571.173.683.816
Chênh lệch thanh khoản thuần	683.022.639.517	220.775.072.697	903.797.712.214
	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
01/01/2024			
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.319.588.462	-	62.319.588.462
Phải thu khách hàng	155.390.155.608	-	155.390.155.608
Đầu tư	569.037.705.630	14.681.253.095	583.718.958.725
Phải thu khác	237.965.480	585.537.730.689	585.775.696.169
Tài sản tài chính khác	-		-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(53.153.224.441)		(53.153.224.441)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư			
Tổng cộng	733.832.190.739	600.218.983.784	1.334.051.174.523
Các khoản vay và nợ	7.894.000.000	56.155.214.150	64.049.214.150
Phải trả người bán	30.834.114.496		30.834.114.496
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	132.704.265.135	324.935.122.244	457.639.387.379
Tổng cộng	171.432.379.631	381.090.336.394	552.522.716.025
Chênh lệch thanh khoản thuần	562.399.811.108	219.128.647.390	781.528.458.498

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

iv Giá trị hợp lý

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu số B 09a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/03/2024	01/01/2024	31/03/2024	01/01/2024
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng và phải thu khác	198.002.720.700	155.628.121.088	140.117.443.940	102.474.896.647
Tài sản khác	485.797.748.069	518.339.214.104	485.797.748.069	518.339.214.104
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	14.681.253.095	14.681.253.095	(*)	(*)
Tiền và các khoản tương đương tiền	185.104.831.851	62.319.588.462	185.104.831.851	62.319.588.462
Tổng cộng	883.586.553.715	750.968.176.749	(*)	(*)
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	67.105.534.007	64.049.214.150	67.105.534.007	64.049.214.150
Phải trả người bán	31.404.159.598	30.834.114.496	31.404.159.598	30.834.114.496
Phải trả khác	195.412.449.844	179.415.682.928	195.412.449.844	179.415.682.928
Tổng cộng	293.922.143.449	274.299.011.574	293.922.143.449	274.299.011.574

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/03/2024 và ngày 01/01/2024. Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

8.6 Thông tin về các bên liên quanCác bên liên quan:

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Địa điểm	Quan hệ
Ông Nguyễn Huy Cương	Hà Nam	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thanh Tâm	Hà Nam	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Thuyết	Hà Nội	Thành viên HĐQT
Ông Trần Việt Đức	Hà Nam	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Trí	Hà Nam	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Quang Anh	Hà Nam	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Đức Dự	Hà Nam	Thành viên ban kiểm soát
Ông Phạm Văn Hà	Hà Nam	Thành viên ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam	Hà Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Trí Dũng	Hà Nam	Cùng thành viên chủ chốt

Ngoài ra, còn các bên liên quan là các cá nhân có liên quan đến Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát như vợ, chồng, con.... theo pháp luật quy định.

Lương và thù lao chi trả trong kỳ cho các thành viên HĐQT và Ban Tổng giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Ông Nguyễn Huy Cương	Chủ tịch HĐQT	134.435.918	34.276.915
Ông Trần Việt Đức	Tổng Giám đốc	40.353.462	21.981.154

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu số B 09a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Ông Nguyễn Quang Trí	Phó Tổng Giám đốc	27.675.000	15.075.000
Vũ Anh Tấn	Phó Giám đốc công ty con	48.504.900	47.576.700
Ông Nguyễn Anh Đệ	Phó Giám đốc công ty con (miễn nhiệm 31/03/2023)	-	20.823.600
Bà Nguyễn Ngọc Lan	Phó Giám đốc công ty con (bổ nhiệm 02/04/2023)	20.823.600	-
Bà Nguyễn Thanh Tâm	Thành viên HĐQT	27.675.000	15.075.000
Ông Nguyễn Đức Dự	Thành viên BKS	39.360.000	21.440.000
Ông Phạm Văn Hà	Trưởng BKS	33.517.500	18.257.500
Bà Nguyễn Thúy Vân	Thành viên BKS	27.675.000	15.075.000
Ông Nguyễn Hữu Thuyết	Giám đốc công ty con	-	31.140.000
Tổng cộng		400.020.380	305.303.369

8.7 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán và Định giá ASCO và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt do công ty tự lập và chưa được kiểm toán.

8.8 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

8.9 Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

NGƯỜI LẬP

Đinh Thị Phương Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Dương Thị Thu Hiền

Hà Nam, ngày 25 tháng 04 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Việt Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:45/2024/CV

Hà Nam, ngày 26 tháng 04 năm 2024

V/v: Giải trình chênh lệch LNST tại BCTC
riêng và hợp nhất Quý I/2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt
Địa chỉ trụ sở chính : Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố
Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
Mã chứng khoán : DTD

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng
dẫn về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý I năm 2024 và Báo cáo tài
chính riêng và hợp nhất Quý I năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển
Thành Đạt gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt (Công ty) xin được giải trình về
trường hợp chênh lệch lợi nhuận sau thuế (LNST) thu nhập doanh nghiệp (TNDN) tại
Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2024 của Công ty có
chênh lệch quá 10% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như sau:

Đối với Báo cáo tài chính riêng Quý I/2024

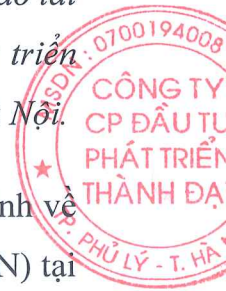
Lợi nhuận sau thuế TNDN trên báo cáo tài chính riêng quý I/2024 là
6.259.891.492 đồng, tăng 2.201.913.565 đồng (tương ứng tăng 54,26%) so với cùng
kỳ năm trước là 4.057.977.927 đồng.

Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2024

Lợi nhuận sau thuế TNDN trên báo cáo tài chính hợp nhất quý I/2024 là
75.902.646.628 đồng, giảm 122.208.784.509 đồng (tương ứng giảm 61,69%) so với
cùng kỳ năm trước là 198.111.431.137 đồng.

Nguyên nhân:

Đối với Báo cáo tài chính riêng Quý I/2024:



Mặc dù doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 23,83% so với cùng kỳ nhưng Công ty đã cải thiện được chi phí giá vốn bán hàng. Cụ thể, chi phí giá vốn bán hàng của Công ty giảm mạnh 26.257.321.152 (tương ứng **giảm 30,76%**) so với Quý I/2023.

Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2024:

Nguyên nhân chủ yếu đến từ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - tại Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2024 giảm 256.498.878.447 (tương ứng **giảm 56%**) so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, trong kỳ, Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng và quản lý giảm 270.045.181.662 đồng (tương ứng **giảm 68,11%**) so với Quý I/2023.

Trên đây là các giải trình của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt về biến động lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo tài chính riêng và Hợp nhất Quý I/2024 có chênh lệch quá 10% so với cùng kỳ năm 2023.

Trân trọng!

Nơi nhận

- Như trên;
- HĐQT, BKS để b/c;
- Ban TGD để biết;
- Lưu VT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



TRẦN VIỆT ĐỨC

